



zuò nòng
作弄

verb · to tease; to make fun of; to play tricks on

Example Sentences

tā xǐ huan zuò nòng tóng xué
他喜欢作弄同学。

He likes to tease his classmates.

Bié zuò nòng nà zhī māo tā huì shēng qì de
别作弄那只猫，它会生气的。

Don't play tricks on that cat; it will get angry.

Trace each character, then write the word on your own.

作	作	作	作	作	作	作	作	作	作
弄	弄	弄	弄	弄	弄	弄	弄	弄	弄